TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2024/DS-ST
Ngày 25 tháng 6 năm 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền
Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Trương Hoàng Lo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXXST- KDTM ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.
Địa chỉ: Tháp B, số A, quận H, thành phố H N.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đ T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà L T L, sinh năm: 1986
Địa chỉ: Số A, N Q, phường A, thành phố CM, tỉnh C M. Theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2024 (có mặt).
- *Bị đơn:* Ông: Nguyễn V Đ; Sinh năm 1971
Bà: Hồng N Y, sinh năm 1974
Cùng địa chỉ: Số A, đường số C, ấp B, xã L, Tp CM, tỉnh CM. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, do bà L T L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng B) ký các hợp đồng tín dụng cho Ông Nguyễn V Đ và Bà Hồng N Y vay cụ thể:

1/ Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 46/2018/1437080 ký ngày 06 tháng 02 năm 2018; Mục đích vay: Hoàn chi phí chuyển nhượng quyền sử

dụng đất; Lãi suất cho vay: 10%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng từng thời kỳ và được điều 06 tháng/lần; Thời hạn vay: 72 tháng; Số tiền vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Quá trình giao dịch dư nợ gốc và lãi đến ngày 23/6/2024 là 44.129.484đ. Trong đó:Nợ gốc: 38.925.000 đồng, nợ lãi: 5.204.484 đồng. Trong đó: Lãi cộng dồn 3.827.238 đồng, Lãi phạt cho gốc quá hạn: 1.212.036 đồng, lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả: 165.210đ.

2/ Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 59/2023/1437080/HĐTD ký ngày 06 tháng 03 năm 2023; Bảng kê rút vốn số 59.01/2023/1437080/HĐTD ký ngày 06 tháng 03 năm 2023; Mục đích vay: nuôi cá chình; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất cho vay: 12,9%/năm; Dư nợ gốc và lãi đến ngày 23/6/2024 là: 4.623.975.716 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 623.957.716 đồng. Trong đó: Lãi cộng dồn 525.184.932 đồng, lãi phạt cho gốc 71.123.250đ, lãi chậm trả: 27.649.534 đồng.

3/ Theo Hợp đồng tín dụng số: 13/2021/1437080/HĐTTD ký ngày 22 tháng 03 năm 2021; Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn); Dư nợ hiện tại đến ngày 23/6/2024 là: 41.137.348 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 35.586.584 đồng; Nợ lãi: 5.550.764 đồng.

Trong quá trình vay vốn Ông Nguyễn V Đ và Bà Hồng N Y không thực hiện đúng cam kết trả nợ vay cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký, về phía Ngân hàng nhiều lần mời khách hàng làm việc nhưng khách hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Đến thời điểm hiện tại, ông Nguyễn V Đ và bà Hồng N Y vẫn không thực hiện việc trả nợ, nay Ngân hàng khởi kiện ông Nguyễn V Đ và bà Hồng N Y, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn V Đ và Bà Hồng N Y phải thanh toán ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 02/10/2023 theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên đã được ký kết giữa ông Nguyễn V Đ và bà Hồng N Y với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đất Mũi, số tiền: 4.709.224.548 đồng, Trong đó: Tổng nợ gốc: 4.074.511.584 đồng; Tổng nợ lãi: 634.712.964 đồng (tổng lãi cộng dồn 534.562.934 đồng, tổng lãi phạt cho gốc 72.335.286 đồng, tổng lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả 27.814.774 đồng).

Trường hợp ông Nguyễn V Đ và bà Hồng N Y không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm để thi hành án là:

1/ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BS 812142, số vào sổ cấp GCN CH 000062, do UBND TP Cà Mau cấp ngày 27 tháng 02 năm 2014, nội dung thay đổi ngày 02/03/2017.

2/ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 812230, số vào sổ cấp GCN CH 000113 do UBND Thành phố Cà Mau cấp ngày 18/03/2014,

nội dung thay đổi ngày 02/03/2017.

Đối với ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông, bà đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông, bà vẫn vắng mặt không rõ lý do.

**** Đại diện kiểm sát phát biểu quan điểm:*** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 222 đến Điều 225, 234, 237, 239, 243, 247, 249 đến 252, 260, 261, 262 và 264 Bộ luật tố tụng. Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án cụ thể sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng B buộc ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y phải thanh toán số tiền vốn và lãi theo yêu cầu Ngân hàng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng B.

Về án phí bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y là cá nhân không đăng ký kinh doanh phải thanh toán khoản tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại các điều 26, điều 35, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số: 46/2018/1437080 ký ngày 06 tháng 02 năm 2018; Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 59/2023/1437080/HĐTD ký ngày 06 tháng 03 năm 2023; Hợp đồng tín dụng số: 13/2021/1437080/HĐTTD ký ngày 22 tháng 03 năm 2021 giữa Ngân hàng B với ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ngân hàng B xác định nội dung giao dịch và quá trình giao dịch của ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 46/2018/1437080 ký ngày 06 tháng 02

năm 2018; Mục đích vay: Hoàn chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Lãi suất cho vay: 10%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng; Số tiền vay 400.000.000 đồng. Hiện tại đến ngày 23/6/2024 còn nợ tổng cộng là 44.129.484đ. Trong đó:Nợ gốc: 38.925.000 đồng, nợ lãi: 5.204.484 đồng (Lãi cộng dồn 3.827.238 đồng, Lãi phạt: 1.212.036 đồng, lãi chậm: 165.210đ).

- Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 59/2023/1437080/HĐTD ký ngày 06 tháng 03 năm 2023; Mục đích vay: nuôi cá chình; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất cho vay: 12,9%/năm. Số tiền vay 4.000.000.000 đồng Hiện tại đến ngày 23/6/2024 còn nợ tổng cộng là 4.623.975.716 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 623.957.716 đồng (Lãi cộng dồn 525.184.932 đồng, lãi phạt 71.123.250đ, lãi chậm trả: 27.649.534 đồng).

- Đối với Hợp đồng tín dụng số: 13/2021/1437080/HĐTTD ký ngày 22 tháng 03 năm 2021; Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng. Hiện tại đến ngày 23/6/2024 là: 41.137.348 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 35.586.584 đồng; Nợ lãi: 5.550.764 đồng.

Hiện Ngân hàng B yêu cầu ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y trả các khoản nợ tính đến ngày 02/10/2023 theo Các Hợp đồng tín dụng nêu trên đã được ký kết giữa ông Nguyễn V Đ và bà Hồng N Y với Ngân hàng B, số tiền: 4.709.224.548 đồng, Trong đó: Tổng nợ gốc: 4.074.511.584 đồng; Tổng nợ lãi: 634.712.964 đồng (tổng lãi cộng dồn 534.562.934 đồng, tổng Lãi phạt cho gốc 72.335.286 đồng, tổng lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả 27.814.774 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng này. Qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng đối với yêu cầu trả vốn vay, thanh toán các khoản lãi phạt chậm thanh toán nợ gốc là khoản lãi nợ gốc quá hạn được quy định cụ thể tại các hợp đồng tín dụng. Do đó các yêu cầu về trả các khoản nợ gốc, lãi trong hạn và lãi phạt chậm thanh toán nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Các hợp đồng tín dụng trên được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất cụ thể như:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BS 812142, số vào sổ cấp GCN CH 000062, do UBND TP Cà Mau cấp ngày 27 tháng 02 năm 2014, nội dung thay đổi ngày 02/03/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 812230, số vào sổ cấp GCN CH 000113 do UBND Thành phố Cà Mau cấp ngày 18/03/2014, nội dung thay đổi ngày 02/03/2017.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết đúng thẩm quyền đúng quy định về hình thức và thủ tục theo quy định tại các Điều 292, 295 BLDS, trên tinh thần tự

nguyện giữa Ngân hàng và ông Đang, bà Yến, hiện Ngân hàng đã chứng minh các tài sản thế chấp là các Quyền sử dụng được đăng ký bảo đảm đúng quy định theo quy định Điều 298 BLDS. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ theo các hợp đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, Bộ luật dân sự; Các Điều 91 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Buộc ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền vốn và lãi là 4.709.224.548 đồng (trong đó nợ gốc: 4.074.511.584 đồng, nợ lãi: 634.712.964 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp, hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Buộc Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y các bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp khi ông Đang, bà Yến thanh toán xong các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản.

Trong trường hợp ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y không thanh toán khoản nợ gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 812142, số vào sổ cấp GCN CH 000062, do UBND TP Cà Mau cấp ngày 27 tháng 02 năm 2014, nội dung thay đổi ngày 02/03/2017; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 812230, số vào sổ cấp GCN CH 000113 do UBND Thành phố Cà Mau cấp ngày 18/03/2014, nội dung thay đổi ngày 02/03/2017. Đất tọa lạc tại ấp Bào Sơn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Buộc ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y di dời khỏi phần đất cho Ngân hàng phát mãi thu hồi nợ trong trường hợp ông Đang, bà Yến không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn V Đ, bà Hồng N Y phải chịu 112.709.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu, ngày 10/10/2023 đã dự nộp 56.130.000đ đồng tại lai số 0008405 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Xuân Trúc